TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỒNG DÂN** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 16/10/2019.
"V/v tranh chấp xin ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG DÂN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lâm Bé Nhi**
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Lại Thiên Phong**
2. Ông **Lưu Quốc Khánh**

Thư ký phiên tòa: Ông **Phan Tú Anh**– Thư ký Toà án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân tham gia phiên tòa: Ông **Dương Minh Kha** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 10 năm 2019 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hồng Dân mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 195/2019/TLST – HNGĐ, ngày 05 tháng 8 năm 2019 về việc tranh chấp xin ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2019/QĐXXST–HNGĐ, ngày 27 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Huỳnh Văn T**, sinh năm 1979.
Địa chỉ: Ấp N, xã N1, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.
Bị đơn: Bà **Võ Thị B**, sinh năm 1979.
Địa chỉ: Ấp N, xã N1, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.
(Ông T và bà B đều vắng mặt tại phiên tòa nhưng ông bà đều có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Huỳnh Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 1996 ông và bà Võ Thị B có tổ chức đám cưới với nhau trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc nhưng đến nay ông bà vẫn không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau nhưng sau đó xảy ra mâu thuẫn do không có tiếng nói chung, cuộc sống không hòa hợp nên thường xuyên cải nhau nên cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, hiện ông và bà B đã sống ly thân với nhau khoảng 03 năm nay. Do đó ông T yêu cầu xin ly hôn với bà Võ Thị B.

Về con chung: ông và bà B có với nhau 03 người con chung là: Huỳnh Chí L, sinh năm 1997, Huỳnh Chí D, sinh năm 1999 và Huỳnh Hoa T, sinh ngày 03/8/2005. Cháu L và cháu D đã trưởng thành, còn cháu T tùy theo nguyện vọng của cháu.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra ông T không yêu cầu gì khác.

Bị đơn bà Võ Thị B trình bày:

-Về hôn nhân : Bà B thống nhất với lời trình của ông T. Nay ông T xin ly hôn với bà B, bà B cũng đồng ý ly hôn với ông T.

-Về con chung: Bà B thống nhất với lời trình bày của ông T. Cháu Huỳnh Chí L và Huỳnh Chí D đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Còn cháu Huỳnh Hoa T hiện đang sống với bà nên bà yêu cầu nuôi và không yêu cầu ông T cấp dưỡng.

-Về tài sản chung: Bà không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm:

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật.

- Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đây đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn không thực hiện theo yêu cầu của Tòa án.

-Về nội dung giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Huỳnh Văn T và bà Võ Thị B là vợ chồng.

+ Về quan hệ con chung: Ghi nhận nguyện vọng của cháu Huỳnh Hoa T muốn sống cùng với mẹ là bà Võ Thị B. Tiếp tục giao Huỳnh Hoa T, sinh ngày 03/8/2005 cho bà Võ Thị B nuôi dưỡng, chăm nom, chăm sóc, giáo dục; Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng ông có quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở. Còn Huỳnh Chí L và Huỳnh Chí D đã trưởng thành các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặc ra xem xét, giải quyết.

+ Về tài sản chung, nợ chung: ông T, bà B không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

+ Về án phí: Buộc ông Huỳnh Văn T phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án tranh chấp xin ly hôn và nuôi con mà bị đơn bà Võ Thị B cư trú tại ấp N, xã N1, huyện H, tỉnh Bạc Liêu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu được quy định tại khoản 7 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Việc xét xử vụ án khi ông T bà B vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt là đúng quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà B thống nhất xác định ông bà có có tổ chức đám cưới với nhau trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc từ năm 1996 nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn. Theo Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình quy định việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện. Nay ông T yêu cầu ly hôn với bà B mặc dù bà B cũng đồng ý ly hôn với ông T, nhưng theo khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định: *"Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này mà chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng".* Do đó căn cứ vào Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử không công nhận ông Huỳnh Văn T và bà Võ Thị B là vợ chồng.

[4] Về con chung: Ông T và bà B cùng T nhất xác định ông bà có chung với nhau ba người con, đó là Huỳnh Chí L, sinh năm 1997, Huỳnh Chí D, sinh năm 1999 và Huỳnh Hoa T, sinh ngày 03/8/2005. Huỳnh Chí L và Huỳnh Chí D đã trưởng thành các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết. Còn cháu Huỳnh Hoa T có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ là bà Võ Thị B, đây là nguyện vọng của cháu phù hợp với quy định nên vẫn tiếp tục giao cháu T cho bà B trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Bà B không yêu cầu ông T cấp dưỡng, nên Hội đồng xét xử không đặc ra xem xét, giải quyết nhưng ông T có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Huỳnh Văn T và bà Võ Thị B không yêu cầu Tòa án giải quyết do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Từ những phân tích nêu trên xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa ngày hôm nay là có căn cứ và phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

[6]- Về án phí: Buộc ông Huỳnh Văn T phải nộp án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch là 300.000đ nhưng được khấu trừ số tiền ông đã dự nộp án phí. Bà Võ Thị B không phải chịu nộp án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 7 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 272 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Huỳnh Văn T và bà Võ Thị B là vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung: Ghi nhận nguyện vọng của cháu Huỳnh Hoa T muốn sống cùng bà Võ Thị B. Tiếp tục giao Huỳnh Hoa T, sinh ngày 03/8/2005 cho bà Võ Thị B trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ông Huỳnh Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng ông có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Đối với Huỳnh Chí L, sinh năm 1997 và Huỳnh Chí D, sinh năm 1999 đã trưởng thành và không ai có yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

3. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc ông Huỳnh Văn T phải nộp 300.000 đồng. Ghi nhận ông T đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002698 ngày 05 tháng 8 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân nay được chuyển thu toàn bộ án phí.

Bà Võ Thị B không phải chịu nộp án phí.

Án xử sơ thẩm hôn nhân và gia đình công khai. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát nhân dân có quyền kháng nghị bản án theo quy định của pháp luật.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Hồng Dân;
- CC.THADS huyện Hồng Dân;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu Tòa.

(Đã ký)

Lâm Bé Nhi